TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
**KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

## 1. Thông tin tổng quát (General information)

| | |
|---|---|
| Tên học phần: | LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM |
| Tiếng Việt: | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| Tiếng Anh: | History of the Communist Party of Vietnam |
| Mã số học phần: | **12 11 1 5 014** |
| Thời điểm tiến hành: | Học kỳ |
| Loại học phần: | Bắt buộc |
| ■ Bắt buộc<br>☐ Tự chọn | |
| Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:<br>■ Kiến thức giáo dục đại cương<br>☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: | ☐ Kiến thức cơ sở ngành<br>☐ Kiến thức ngành<br>☐ Kiến thức chuyên ngành<br>☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp |
| Số tín chỉ: | 02 tín chỉ |
| Giờ tín chỉ đối với các hoạt động | 30 tiết |
| Số tiết lý thuyết: | 22 tiết |
| Số tiết bài tập: | 0 tiết |
| Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm: | 07 tiết |
| Số tiết thực tập: | 0 tiết |
| Kiểm tra: | 01 tiết |
| Thời gian tự học: | 45 giờ |
| Điều kiện tham dự học phần: | |
| Học phần tiên quyết: | Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh |
| Học phần song hành: | |
| Điều kiện khác: | |
| Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: | Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh-Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Khoa Luật và Lý luận chính trị |

## 2. Mô tả học phần (Course Description)

*Hướng dẫn thực hiện:*

Là học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong chương trình Lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

| **Mục tiêu học phần** *(CGs)* | **Mô tả** *(Course goal description)* *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** (ELOs) |
|---|---|---|
| **CG1** | Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam | ELO1<br>Vận dụng kiến thức cơ bản của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội. |
| **CG2** | Những tri thức lịch sử về quá trình lãnh đạo của Đảng | |
| **CG3** | Thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm | |
| **CG4** | Tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. | |

*Hướng dẫn thực hiện:*

*Các mục tiêu của học phần thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần; viết ít nhất 4 mục tiêu và mỗi mục tiêu (tối đa 12 từ) bắt đầu bằng những động từ chủ động, và xem xét những mục tiêu của học phần đã liệt kê tương thích với những chuẩn đầu ra nào của chương trình đào tạo.*

## 4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

| **Chuẩn đầu ra HP***[1]* | **Mô tả CĐR học phần** *[2]* *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT***[3]* |
|---|---|---|
| **CELO1** | Hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam | ELO1 |
| **CELO2** | Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước | |
| **CELO3** | Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. | |

*Hướng dẫn thực hiện:*

*CĐR học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp cần phải có sau khi ra trường. CĐR của mỗi học phần phải đáp ứng một hay một vài chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ngược lại.*

*[1]:Ký hiệu CĐR của học phần.*

*[2]: Mô tả CĐR của học phần, bao gồm các động từ chủ động trong Bloom's Taxonomy, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể; Viết tối đa 5 chủ đề CĐR và mỗi chủ đề (tối đa 12 từ) bắt đầu bằng những động từ chủ động.*

*[3] liệt kê những CĐR nào của chương trình đào tạo tương thích với CĐR của học phần*

**Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)**

| CĐR học phần | CĐR của CTĐT | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO… |
| CELO1 | M | | | | | |
| CELO2 | M | | | | | |
| CELO3 | M | | | | | |

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

**5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần**

**5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập**

***Hướng dẫn thực hiện:***

*Trình bày các phương pháp giảng dạy được áp dụng trong quá trình giảng dạy học phần*

Sử dụng các phương pháp cơ bản sau:
PP1: Thuyết trình
PP2: Thảo luận nhóm
PP3: Xem phim tư liệu
PP4: Đặt vấn đề, nêu tình huống
PP5: Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu, sách báo liên quan
PP6: Tham quan thực tế khi có điều kiện...
*Gợi ý một số phương pháp giảng dạy tích cực:*

***PP1. Phương pháp thuyết trình**: giúp sinh viên đạt CĐR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kĩ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...*

***PP2. Phương pháp động não**: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;*

***PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ**: giúp đạt được chuẩn đầu về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;*

***PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề**: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;*

***PP5. Phương pháp hoạt động nhóm**:giúp đạt được chuẩn đầu về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;*

***PP6. Phương pháp đóng vai**: giúp đạt được chuẩn đầu về tư duy suy xét, phản biện, nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân;*

***PP7. Phương pháp học dựa vào dự án**: giúp đạt được chuẩn đầu về lập giả thuyết, kỹ năng thiết kế các công trình xử lý môi trường, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;*

***PP8. Phương pháp mô phỏng**:giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng mô hình hóa trong dự đoán lan truyền ô nhiễm trong môi trường; kỹ năng thử nghiệm khảo sát; giao tiếp đồ họa;*

***PP9. Nghiên cứu tình huống**:giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính*

*...*

*(lưu ý: có thể kết hợp 2 hoặc 3 phương pháp vào một cùng một thời điểm giảng dạy, ví dụ khi sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống, có thể đồng thời sử dụng phương pháp động não và làm việc nhóm)*

***Phương pháp học tập:***

*- Nghe giảng trên lớp;*

*- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;*

*- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;*

*- Làm việc nhóm;*

- ...

**5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần**

**5.2.1 Điểm đánh giá:**

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Bài kiểm tra giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài tập nhóm…

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận■ Trắc nghiệm■ Thảo luận nhóm■ Bài tập lớn□ Thực hành□ Khác■

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận■ Trắc nghiệm□ Thực hành□ Khác□

**5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)**

***Hướng dẫn thực hiện:***

*Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm*

| Thành phần đánh giá | Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) | Nội dung đánh giá | CĐR học phần (CELO.x.x) | Số lần đánh giá/thời | Tiêu chí đánh giá | Phương pháp đánh giá | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|

| [1] | [2] | [3] | [4] | điểm [5] | [6] | [7] | [8] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **A1. Đánh giá quá trình** | A1.1 Chuyên cần | Thái độ tham gia học tập tích cực | CELO1<br>CELO2<br>CELO3<br>CELO4 | 05 | Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ | PP quan sát | 10% |
| | A1.2 Bài tập nhóm | Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm | CELO1<br>CELO2 | 01 | Bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả. | PP phỏng vấn | |
| | A1.2 Bài tập cá nhân trên lớp | Kiến thức, kỹ năng | CELO1<br>CELO2 | 02 | Bài kiểm tra 15 phút tự luận hoặc 10 phút trắc nghiệm đáp ứng được yêu cầu của GV | PP viết | |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | A2.1 Kiểm tra giữa kỳ/60 phút | Kiến thức các chương: 1,2,3. | CELO1<br>CELO2 | 01 | Bài kiểm tra giữa kỳ: 2 câu tự luận hoặc 50 câu trắc nghiệm, hoặc bài tập nhóm đáp ứng được yêu cầu của GV | PP viết | 20% |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút | Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học... | CELO1<br>CELO2<br>CELO3<br>CELO4 | 01 | Bài thi cuối khóa (tự luận): 2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án. | PP viết | 70% |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

*[1]: Các thành phần đánh giá của học phần bao gồm (đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, và đánh giá cuối kỳ).*

*[2]: Các bài đánh giá **(hình thức đánh giá)** bao gồm: sự tham dự lớp học, chuyên cần, thái độ học tập,bài tập cá nhân trên lớp, bài tập cá nhân về nhà, bài tập nhóm trên lớp, bài tập nhóm về nhà, bài tập thuyết trình cá nhân trên lớp, bài tập thuyết trình nhóm trên lớp, đồ án, bài kiểm tra/thi giữa kỳ (trắc nghiệm/tự luận,...), bài thi cuối khóa (trắc nghiệm, tự luận,...). Thời gian: bao nhiêu phút/giờ/ngày,...*

*[3]: Liệt kê nội dung đánh giá. Ví dụ, nội dung đánh giá: Kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực Bài 1, Chương 1; kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực Chương 2-3; kiến kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực toàn khóa học,...).*

*[4]: Nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần.*

*[5]: Số lần đánh giá/thời điểm: liệt kê số lần đánh giá (mấy lần?)và thời điểm đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ (đánh giá khi nào trong phân phối chương trình học phần?).*

*[6]: Tiêu chí đánh giá (ví dụ, sự tham gia lớp học: tích cực, năng động, sáng tạo, tham dự đầy đủ,...; bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả,...; bài kiểm tra/thi giữa kỳ, bài thi cuối khóa (tự luận): ví dụ, 4 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án; bài kiểm tra/thi giữa kỳ, bài thi cuối khóa (trắc nghiệm): ví dụ: 50 câu/100 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.*

*[7]: Cột phương pháp đánh giá: Phải chọn một trong các phương pháp gợi ý dưới đây, để quy định, làm cơ sở cho người dạy và học thực hiện đúng cam kết. Không nêu chung chung tất cả các phương pháp trong cột này.*

***→ PP quan sát***

***→ PP viết:*** *+Tự luận: Bài luận, tiểu luận, luận văn*

*+ Trắc nghiệm khách quan: Đúng/sai, nhiều lựa chọn, ghép đôi, điền khuyết*

***→ PP phỏng vấn***

*[8]: Liệt kê tỷ lệ điểm các bài đánh giá trong tổng điểm các thành phần đánh giá.*

## 6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

| Tuần | Nội dung | PPGD chính | Chuẩn đầu ra của học phần |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** | | |
| | **A/ Các nội dung chính trên lớp:**<br>1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam<br>2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam<br>3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Diễn giảng, Thuyết trình, trình chiếu | **CELO1, 2, 3** |
| | **B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:**<br>Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | | **CELO3** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2,3,4 | **Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)** | | |
| | **A/ Các nội dung chính trên lớp:**<br>*1.* Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời<br>*2.* Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) | **Diễn giảng,** Thuyết trình, trình chiếu, thảo luận nhóm | **CELO1, 2, 3** |
| | **B/ Các nội dung cần tự học ở nhà**<br>Phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu XX<br>Phong trào dân chủ (1936-1939) | | **CELO1** |
| 5,6 ,7 | **Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)** | | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp:**<br>*1.* Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)<br>*2.* Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) | **Diễn giảng,** Thuyết trình, trình chiếu, thảo luận nhóm | **CELO1, 2, 3** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:**<br>Đánh giá quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược<br>Bài học rút ra trong công cuộc bảo vệ độc lập chủ quyền hiện nay. | | **CELO1, 2** |
| 8,9,10 | **Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)** | | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp:**<br>1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)<br>2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 đến nay) | **Diễn giảng,** Thuyết trình, trình chiếu, thảo luận nhóm | **CELO1, 2, 3** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:**<br>Sự cần thiết phải kết hợp sức mạnh quốc gia – | | **CELO1, 2** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | dân tộc với sức mạnh thời đại – quốc tế của cách mạng Việt Nam.<br>- Kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay | | |

**Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần**

| Bài học (Module) | Chuẩn đầu ra học phần | | |
|---|---|---|---|
| | CELO1 | CELO2 | CELO3 |
| Module 1 | M | M | M |
| Module 2 | M | M | M |
| Module 3 | M | M | H |
| Module 4 | M | M | M |
| Module 5 | M | M | H |

**H: High M: Medium L: Low**

**7. Tài liệu học tập**

**7.1. Tài liệu chính:**

Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, dành cho sinh viên Khối không chuyên Mác Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng. Nxb. Chính trị quốc gia, 2021.

**7.2. Tài liệu tham khảo:**

- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Nghị quyết các kỳ đại hội Đảng

- Nguyễn Trọng Phúc – Đinh Xuân Lý, Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia.

- Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, 2015.

***Hướng dẫn thực hiện:***

**8. Quy định của học phần**

***Hướng dẫn thực hiện:***

*Các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...*

***Gợi ý 03 quy định học phần:***

***8.1. Quy định về tham dự lớp học***

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

***8.2. Quy định về hành vi lớp học***

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

***8.3. Quy định về học vụ***

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

**9. Giảng viên giảng dạy môn học:** TS. Hồ Ngọc Vinh, TS. Đinh Thị Kim Lan, ThS. Võ Thị Hồng Hiếu; ThS. Trần Thị Liên.

**10. Ngày phê duyệt: 26/03/2022**

| TRƯỞNG KHOA | TRƯỞNG BỘ MÔN | NGƯỜI BIÊN SOẠN |
|---|---|---|
| TS. Hồ Ngọc Vinh | TS. Hồ Ngọc Vinh | ThS. Võ Thị Hồng Hiếu |